

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN KỸ THUƠNG**

-----o0o-----

Số: 031608/23/TB-TCBS

V/v: Công bố thông tin định kỳ về tình hình  
sử dụng vốn trái phiếu – Kỳ báo cáo kết thúc  
tại ngày 30/06/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2023

**Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
**- Người Sở Hữu Trái Phiếu**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về việc sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu như sau:

**1. Thông tin doanh nghiệp**

- Tên doanh nghiệp: Công Ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“**Tổ Chức Phát Hành**”)
- Trụ sở chính: Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D’Capitale, Số 119 Đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3944 6368
- Số fax: (024) 3944 6583
- Địa chỉ thư điện tử: tcbs\_tcph@techcombank.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần chưa đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Môi giới chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán

**2. Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành**

Chi tiết xem tại Phụ Lục 1 – Danh sách thông tin chi tiết các Trái Phiếu.

**3. Tình hình sử dụng vốn và tiến độ giải ngân (\*)**

**3.1. Đối với mục đích sử dụng vốn để đầu tư chương trình, dự án và cơ cấu lại nguồn vốn**

| STT | Dự án sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu | Phương án phát hành          |                         | Thực tế             |                         |
|-----|-------------------------------------------|------------------------------|-------------------------|---------------------|-------------------------|
|     |                                           | Thời gian giải ngân          | Giá trị giải ngân (VND) | Thời gian giải ngân | Giá trị giải ngân (VND) |
| 1   | Đầu tư chương trình, dự án                |                              | 0                       |                     | 0                       |
| 2   | Cơ cấu lại nguồn vốn                      | Từ 05/06/2023 đến 30/06/2023 | 300.000.000.000         | 05/06/2023          | 300.000.000.000         |



|  |             |  |                        |  |                        |
|--|-------------|--|------------------------|--|------------------------|
|  | <b>Tổng</b> |  | <b>300.000.000.000</b> |  | <b>300.000.000.000</b> |
|--|-------------|--|------------------------|--|------------------------|

### 3.2. Đối với mục đích sử dụng vốn để tăng quy mô vốn hoạt động

| STT | Mục đích sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Kế hoạch (VND)           | Đã sử dụng (VND)         |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1   | Tăng quy mô vốn khác:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                          |                          |
|     | (i) Đầu tư trái phiếu chính phủ/trái phiếu của các ngân hàng được chính phủ bảo lãnh; và/hoặc<br>(ii) Đầu tư các sản phẩm tài chính khác như trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi...; và/hoặc<br>(iii) Mở rộng thị phần môi giới và hoạt động cho vay khách hàng trong giao dịch mua ký quỹ chứng khoán; và/hoặc<br>(iv) Bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh khác của Tổ Chức Phát Hành phù hợp với quy định của Công Ty và quy định của pháp luật. | 3.699.273.200.000        | 3.699.273.200.000        |
|     | <b>Tổng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <b>3.699.273.200.000</b> | <b>3.699.273.200.000</b> |

(\*): Số liệu báo cáo chỉ bao gồm các trái phiếu TCSCH2126002, TCSCH2126003, TCSCH2123005, TCSCH2124006, TCSCH2124009, TCSCH2124011, TCSCH2124012, TCSCH2124013, TCSCH2123014, TCSCH2124015, TCSCH2123016, TCSCH2124017, TCSCH2325001.

*Trừ khi được định nghĩa khác đi trong bản công bố thông tin này, các thuật ngữ được định nghĩa trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và Các Văn Kiện Trái Phiếu sẽ có cùng nghĩa khi được sử dụng trong văn bản này.*

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN KÝ THƯƠNG**



Phó Tổng Giám Đốc  
*Nguyễn Tuấn Cường*





**PHỤ LỤC 1: Danh sách thông tin chi tiết các Trái Phiếu**

| <b>Phê duyệt phát hành</b>                                                                                                                                                       | <b>Mã Trái Phiếu HNX</b> | <b>Tên Trái Phiếu</b> | <b>Tổng giá trị phát hành dự kiến (theo mệnh giá)<br/>(VND)</b> | <b>Tổng giá trị phát hành thực tế (theo mệnh giá)<br/>(VND)</b> | <b>Đã sử dụng<br/>(VND)</b> | <b>Mục đích sử dụng vốn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nghị quyết số 021506/21/NQ-ĐHĐCĐ-TCBS ngày 15/06/2021 của Đại Hội đồng cổ đông của Công ty                                                                                       | TCSCH2126002             | TCSCH2126002          | 468.375.900.000                                                 | 468.375.900.000                                                 | 468.375.900.000             | Tổ Chức Phát Hành sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu cho mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, bao gồm nhưng không giới hạn:<br>(i) Đầu tư trái phiếu Chính phủ/trái phiếu của các ngân hàng được Chính phủ bảo lãnh; và/hoặc<br>(ii) Đầu tư các sản phẩm tài chính khác như trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi...; và/hoặc<br>(iii) Mở rộng thị phần môi giới và hoạt động cho vay khách hàng trong giao dịch mua ký quỹ chứng khoán; và/hoặc<br>(iv) Bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh khác của Tổ Chức Phát Hành phù hợp với quy định của Công Ty và quy định của pháp luật. |
|                                                                                                                                                                                  | TCSCH2126003             | TCSCH2126003          | 277.682.700.000                                                 | 277.682.700.000                                                 | 277.682.700.000             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                                                                                                                                                                                  | TCSCH2123005             | TCSCH2123005          | 300.000.000.000                                                 | 300.000.000.000                                                 | 300.000.000.000             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                                                                                                                                                                                  | TCSCH2124006             | TCSCH2124006          | 499.997.700.000                                                 | 499.997.700.000                                                 | 499.997.700.000             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                                                                                                                                                                                  | TCSCH2124009             | TCSCH2124009          | 499.855.800.000                                                 | 499.855.800.000                                                 | 499.855.800.000             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                                                                                                                                                                                  | TCSCH2124011             | TCSCH2124011          | 499.983.900.000                                                 | 499.983.900.000                                                 | 499.983.900.000             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                                                                                                                                                                                  | TCSCH2124012             | TCSCH2124012          | 499.998.900.000                                                 | 499.998.900.000                                                 | 499.998.900.000             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                                                                                                                                                                                  | TCSCH2124013             | TCSCH2124013          | 134.142.600.000                                                 | 134.142.600.000                                                 | 134.142.600.000             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                                                                                                                                                                                  | TCSCH2124015             | TCSCH2124015          | 497.733.700.000                                                 | 497.733.700.000                                                 | 497.733.700.000             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                                                                                                                                                                                  | TCSCH2123016             | TCSCH2123016          | 20.002.000.000                                                  | 20.002.000.000                                                  | 20.002.000.000              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                                                                                                                                                                                  | TCSCH2124017             | TCSCH2124017          | 1.500.000.000                                                   | 1.500.000.000                                                   | 1.500.000.000               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Nghị quyết số 010106/23/NQ-HĐQT-TCBS ngày 01/06/2023 của HĐQT của Công ty<br><br>Quyết định số 020206/23/QĐ-CTHĐQT-TCBS ngày 02/06/2023 của Chủ tịch HĐQT của Tổ chức Phát Hành. | TCSCH2325001             | TCSCH2325001          | 300.000.000.000                                                 | 300.000.000.000                                                 | 300.000.000.000             | Tổ chức Phát hành phát hành Trái phiếu để phục vụ cho mục đích cơ cấu nợ của Tổ Chức Phát Hành. Cụ thể: Tổ Chức Phát Hành đã sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu để thanh toán gốc Trái Phiếu TCSCH2123005 do TCBS phát hành ngày 28 tháng 06 năm 2021, đáo hạn vào ngày 28 tháng 06 năm 2023.                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>Tổng</b>                                                                                                                                                                      |                          |                       | <b>3.999.273.200.000</b>                                        | <b>3.999.273.200.000</b>                                        | <b>3.999.273.200.000</b>    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

